

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST

Ngày: 25-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M-THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thu Hiền**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thanh Hà**

: Ông Nguyễn Văn Trãi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Ngọc Anh**- Thư ký Tòa án Nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận M tham gia phiên tòa: ông **Huỳnh Thanh Hưng**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/HSST-QĐ ngày 14/4/2025, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Bùi Văn N** (tên gọi khác: không), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006, tại Cần Thơ.

- Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn (văn hóa): 9/12; dân tộc: kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1949 (sống) và bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1980 (sống); Anh, chị, em ruột: không; có vợ, con: không; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận M, TP Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 04, phường T, quận B, TP Cần Thơ.

2. Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 2004 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận M, TP Cần Thơ.

3. Ông **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1949 (Vắng mặt)

- Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng:

1. Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 4, phường T, quận B, TP Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực B, phường P, quận M, TP Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn N (sinh ngày 25/6/2006, đăng ký thường trú: khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ) do không có tiền tiêu xài nên khi gặp anh Nguyễn Hoàng P (sinh năm 1993, đăng ký thường trú: khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ) vào ngày 31/01/2024 tại chợ B, phường T, quận M, đang làm nghề chạy xe ôm thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh P để bán lấy tiền tiêu xài. N kêu anh P chở N đến quán cà phê Lộc Vùng thuộc khu vực Bình Hoà A, phường P Thới, quận M. Khi đến quán cà phê, N nói với anh P cho N mượn xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913 để đi đổi tiền, lấy tiền trả tiền xe ôm cho anh P. Anh P vào quán ngồi đợi đến 19 giờ cùng ngày không thấy N trả xe nên anh P đi về nhà.

N liên hệ với anh Phạm Văn L (sinh năm 2004, đăng ký thường trú: khu vực T, phường T, quận M) để nhờ bán giùm chiếc xe mô tô biển số 65P3-4532 của anh P nhưng nói với L là xe của N bị mất giấy tờ. Ngày 01/02/2024, L dẫn N đến cửa hàng sửa xe của anh Nguyễn Văn T (sinh năm 2000, đăng ký thường trú: khu vực B, phường P, quận M) ở gần cầu S, thuộc khu vực 4, phường T, quận Bình Thủy nhưng anh T không mua. Sau đó, L và N gặp anh Lê Văn T (sinh năm 1980, đăng ký thường trú: khu vực 4, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy) để bán xe. Anh T hỏi nguồn gốc xe thì N nói bị mất giấy tờ, L đứng ra cam kết viết giấy tay bán xe thì anh T đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng. Số tiền bán xe này, N sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau nhiều lần đến tìm N để yêu cầu trả xe nhưng không gặp được. Đến ngày 11/6/2024, anh P gặp N, yêu cầu N trả xe thì Ng nói đã bán xe của anh P nên anh P trình báo công an, đồng thời đã thu hồi được xe mô tô biển số 65P3-4532 do anh Lê Văn T giao nộp.

Đối với xe mô tô biển số 65P3-4532 theo đặc điểm trên giấy đăng ký mô tô, xe máy là: xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913, đăng ký vào ngày 24/10/2005, màu sơn đỏ-đen nhưng khi thu giữ màu sắc xe là màu trắng. Qua làm việc anh Lê Văn T khai do dàn áo xe đã cũ, bị hư nên anh chỉ sửa xe, thay dàn áo xe thành màu trắng, số khung, số máy xe không thay đổi. Cơ quan điều tra đã cho tiến hành nhận dạng tài sản thì Bùi Văn N, Nguyễn Hoàng P nhận dạng đúng xe mô tô biển số 65P3-4532 là xe của anh P bị N lừa đảo đem đi bán.

Về chủ sở hữu xe mô tô biển số 65P3-4532, theo giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0142605 ngày 24/10/2005 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Cần Thơ cấp thể hiện chủ xe tên Nguyễn Ngọc Q, nơi đăng ký thường trú: khu vực Tân Xuân, phường Trường Lạc, quận M. Qua xác minh, xe này mua vào năm 2005 để sử dụng chung trong gia đình nhưng đứng tên là Nguyễn Ngọc Quyền. Sau đó, khi chị Q đi định cư nước ngoài thì giao lại cho anh Nguyễn Hoàng P quản lý, sử dụng nhưng không làm thủ tục sang tên. Anh P quản lý, sử dụng đến khi bị N lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 17/7/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận M kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913, đăng ký vào ngày 24/10/2005, màu sơn đỏ-đen giá trị tài sản vào thời điểm xảy ra vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 31/01/2024 là 12.500.000 đồng. Và tại công văn số 06/HĐĐG của Hội đồng định giá ngày 03/10/2024 điều chỉnh lại màu sắc của xe từ màu đỏ-đen sang màu trắng, các nội dung khác không thay đổi.

Đối với Phạm Văn L, Lê Văn T không biết rõ nguồn gốc xe là do N lừa đảo chiếm đoạt của người khác mà do tin tưởng là xe của N nên không đủ cơ sở để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913, đã trả lại cho anh Nguyễn Hoàng P.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Hoàng P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.
- Anh Lê Văn T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả 1.500.000 đồng do anh đã giao nộp xe mô tô biển số 65P3-4532 cho anh Nguyễn Hoàng P.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSOM ngày 25 tháng 2 năm 2025, Viện Kiểm sát Nhân dân quận M đã truy tố Bùi Văn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận M trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 174 bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn N mức án từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả 1.500.000 đồng cho anh T, do anh đã giao nộp xe mô tô biển số 65P3-4532 cho anh Nguyễn Hoàng P. Bị cáo đồng ý trả số tiền 1.500.000 đồng cho anh Lê Văn T. Do đó đề nghị buộc bị cáo phải trả số tiền 1.500.000 đồng cho anh Lê Văn T.

Anh Nguyễn Hoàng P đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 65P3-4532 và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra, công an quận M đã xử lý vật chứng, trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913 cho anh Nguyễn Hoàng P.

Lưu hồ sơ vụ án 01 bao thư niêm phong chứa đĩa ghi hình hỏi cung bị can có chữ ký của Bùi Văn N.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an Quận M, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về căn cứ buộc tội*: Lời khai nhận của bị cáo Bùi Văn N tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra, truy tố. Cụ thể, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hành vi dùng lời nói đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Sau khi lấy xe bị cáo đã bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Theo kết quả định giá tài sản 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913, màu sơn đỏ- đen có giá trị tài sản vào thời điểm xảy ra vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 31/01/2024 là 12.500.000 đồng. Và tại công văn số 06/HĐĐG của Hội đồng định giá ngày 03/10/2024 điều chỉnh lại màu sắc của xe từ màu đỏ- đen sang màu trắng, các nội dung khác không thay đổi.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân quận M truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội. Xét về độ tuổi của bị cáo N khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên khi xem xét quyết định hình phạt cần cân nhắc, áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự quy định về đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức nhẹ hơn so với mức áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương tự. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Bị cáo có nhân thân tốt. Nhận thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra, công an quận M đã xử lý vật chứng, trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913 cho anh Nguyễn Hoàng P.

- Tịch thu lưu hồ sơ hai tờ giấy photo A4 có hình ảnh thể hiện việc mua bán xe do Lê Văn T cung cấp và có ký xác nhận.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 bao thư niêm phong chứa đĩa ghi hình hỏi cung bị can có chữ ký của Bùi Văn N tại bút lục 73.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Văn N phải trả số tiền 1.500.000 đồng cho anh Lê Văn T.

Anh Nguyễn Hoàng P đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 65P3- 4532 và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Đối với Phạm Văn L, Lê Văn T không biết rõ nguồn gốc xe là do N lừa đảo chiếm đoạt của người khác mà do tin tưởng là xe của N nên không đủ cơ sở để xem xét xử lý.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn N** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 91; Điều 101; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bùi Văn N 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị cáo chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra, công an quận M đã xử lý vật chứng, trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-4532, nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC09E5154794, số khung HHC09025Y099913 cho anh Nguyễn Hoàng P.

- Tịch thu lưu hồ sơ hai tờ giấy photo A4 có hình ảnh thể hiện việc mua bán xe do Lê Văn T cung cấp và có ký xác nhận.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 bao thư niêm phong chứa đĩa ghi hình hỏi cung bị can có chữ ký của Bùi Văn N tại bút lục 73.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 của bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Văn N phải trả số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*) cho anh Lê Văn T.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Nguyễn Hoàng P đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 65P3- 4532 và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

Bị cáo Bùi Văn N phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn N phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án. Kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- Công an phường T;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Hiền